TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **92**/2024/QĐST-HNGĐ	*V, ngày 08 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Minh Hương G, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 25A, ngõ 97/2, tổ 11 phường C, quận L, Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 71 P, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Minh Hương G và anh Nguyễn Hữu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Minh Hương G và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Đặng Minh Hương G và anh Nguyễn Hữu T có hai con chung là cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 19/8/2006 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 19/9/2008. Chị G, anh T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trung K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thái B cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị giải quyết. Các bên được quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức và các vấn đề khác:* Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Chị Đặng Minh Hương G tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003762, ngày 08 tháng 4 năm 2024, trả lại cho chị G số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Trung